

MẤY VẤN ĐỀ LỄ HỘI BÀ CHÚA XỨ NÚI SAM

NGUYỄN CHÍ BÈN

Trong diện mạo lễ hội dân gian của người Việt từ Bắc vào Nam, lễ hội bà chúa Xứ là một trong những lễ hội lớn. Ở Nam Bộ, lễ hội bà chúa Xứ là một lễ hội lớn vào bậc nhất, tàng ẩn bên trong lớp vỏ văn hóa, tín ngưỡng, đồng thời cũng là lễ hội thu hút khách thập phương nhiều nhất. Tự thân lễ hội này đã hấp dẫn nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội, văn hóa dân gian. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về lễ hội bà chúa Xứ ra mắt bạn đọc trong vài thập kỷ qua, chúng ta có thể kể: *Sự tích miếu Bà núi Sam* (1960) của Thần liên Lê Văn Tấn, hai cuốn *Nếp cũ làng xóm Việt Nam* (1968), *Nếp cũ hội hè đình đám* (1969) của Toan Ánh, *Những ngày lễ hội miếu bà chúa Xứ núi Sam* (in lần 2, 1992) của Tường Vân, *Di tích miếu bà chúa Xứ núi Sam* (1992) của Trần Văn Đông, *Hội hè Việt Nam* (1990) do Trương Thìn chủ biên, *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ* (1992) của nhiều tác giả, *Văn hóa và cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long* (1990) của nhiều tác giả. Gần đây, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật số 5/1992 lại có bài của Trần Văn Đông: *Vài nét về lễ hội bà chúa Xứ núi Sam*. Các công trình trên, đều giống nhau ở việc miêu thuật các diễn biến của lễ hội này.

Vì thế, có thể tóm lược những hoạt động chính của lễ hội này như sau:

1. Lễ mọc dục:

Lễ này được tiến hành với sự chủ trì của ông chánh bái, các vị bô lão, Ban quản trị miếu cùng các nghi thức:

- Mở đầu là thắp sáng 2 cây đèn cầy (nến)
- Ông chánh bái cùng 2 bô lão dâng hương, rượu, trà, các thành viên trong Ban quản trị cầu niệm.
- Bồn, năm phụ nữ, cởi áo mào, khăn đội

trên pho tượng, lau rửa, xịt nước hoa cho tượng Bà.

Sau đó, khách thập phương được tự do xin lộc.

2. Lễ thỉnh sắc:

Lễ này được tiến hành dưới sự chủ trì của ông chánh bái, các thành viên trong Ban quản trị, các học trò lễ, đoàn múa lân đi trước thỉnh sắc ở làng Thoại Ngọc Hầu về với các nghi thức:

- Thỉnh 4 bài vị lên Long đình về miếu Bà.
- Dâng hương thỉnh an.

3. Lễ túc yết:

Lễ này được tiến hành với sự có mặt của ông chánh bái, Ban quản trị cùng ban nhạc lễ, trải qua các nghi thức:

- Vật cúng là heo trắng, (heo đã mổ, cạo lông sạch sẽ nhưng chưa nấu chín), một đĩa đựng huyết, một ít lông heo gọi chung là mao huyết, một mâm xôi, một mâm trái cây, một mâm trầu cau, một đĩa gạo muối.

- Lễ cúng với các nghi thức: dâng hương, chúc tữu, hiến trà

- Đọc văn tế.
- Đốt văn tế.

4. Lễ xây châu:

Nghi thức của phần này được thực thi với các nhạc cụ là trống và các nhạc cụ của đoàn hát bộ, các dụng cụ để ông chánh bái hành lễ gồm có chậu nước, khăn vải đỏ, tô nước, cành dương. Ông chánh bái làm các nghi thức sau:

- Khấn vái, dâng cúng rượu, trà.
- Dùng cành dương vẩy nước ra bốn phía và đọc lời cầu nguyện.

- Cầm dùi trống khấn vái, đánh 3 hồi.
- Đoàn hát bộ trình diễn.

Với chuỗi hành động như thế, lễ hội bà chúa Xứ có những đặc điểm gì khi đặt vào diện mạo lễ hội của người Việt ở Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung? Nói khác đi, đâu là bản sắc văn hóa của lễ hội bà chúa Xứ núi Sam?

Trước tiên, cần thấy chủ nhân sáng tạo lễ hội bà chúa Xứ núi Sam vẫn là những người nông dân Việt. Dù là những người "mang gương đi mở nước" (thơ Huỳnh Văn Nghệ), sinh sống nơi miền đất mới, chịu những tác động của thiên nhiên có khác với miền Trung, miền Bắc, người dân vùng Châu Đốc, Nam Bộ vẫn mang những đặc điểm tâm lý chung của nông dân Việt. Vì thế, sự phát triển của lễ hội bà chúa Xứ núi Sam vẫn nằm trong tiến trình lịch sử dân tộc từ thế kỷ XVII đến nay. Nghĩa là, nó ra đời, phát triển cùng với tiến trình người Việt khai phá vùng đất này trong non 30 thập kỷ qua. Sinh thành nơi đất mới, lễ hội dân gian của người Việt có những đặc điểm chung, nhưng sẽ có những nét riêng do điều kiện xã hội, lịch sử đem lại. Dù điều kiện thiên nhiên có khác, nhưng nông dân vùng Châu Đốc vẫn sống bằng nghề nông mà phương thức canh tác chính là trồng lúa nước. Vòng quay của thiên nhiên và mùa vụ vẫn tạo ra trong tâm linh con người những nhu cầu tín ngưỡng và lễ hội.

Bởi vậy, diện mạo lễ hội bà chúa Xứ núi Sam vẫn là gương mặt quen thuộc của lễ hội dân gian người Việt. Có thể thấy ngay điều ấy ở *lễ mọc dục*. Nghi thức này có thể gặp ở nhiều lễ hội trên khắp đất nước ta. Chẳng hạn, lễ hội đền Đồng Nhân (quận Hai Bà Trưng, Hà Nội), lễ hội đền Chèm (huyện Từ Liêm, Hà Nội)... v.v... Tại sao lại có nghi thức lễ này? Bởi ẩn chứa đằng sau hành động ấy là một quan niệm của nông dân xưa. Bởi thần linh, trong tâm thức người dân, cả trạng thái hữu thức lẫn vô thức, cũng như những con người, nhưng lại không giống người. Cốt tượng, không đơn thuần là cốt tượng mà đó là sự hiện hữu của một vị thần. Thành ra, phải lau chùi, rửa ráy cho vị thần. Nhưng

công việc ấy lại phải tiến hành vào lúc bắt đầu vào một ngày mới, sau khi đã làm các nghi thức cúng lễ.

Mặt khác, nhân vật chính được phụng thờ là Bà Chúa Xứ. Đây chính là nơi hội tụ tín ngưỡng của người Việt. Nói khác đi, bà là một biểu tượng của tín ngưỡng thờ mẹ. Tín ngưỡng này không xa lạ gì với người dân Việt, dù ở Bắc hay ở Nam, ở Trung. Nền tảng tâm linh của tín ngưỡng này là ý thức cầu mong của nông dân về một mùa màng tươi tốt. Muốn đạt được điều này, đầu tiên phải trông cậy vào đất đai, bởi vậy, người nông dân coi đất đai như một vị thần. Vị thần Đất, chính là sáng tạo của nông dân, để họ gửi gắm quan niệm, khát vọng, nghĩ suy của mình, vì thế, ngay từ đầu đã mang một cốt lõi uyên nguyên, thường xuất hiện dưới dạng nữ nhân. Thờ nữ thần, phong tục quen thuộc của nông dân Việt chính là sự hiện thực hóa một tín ngưỡng, mà đằng sau tín ngưỡng ấy lại là một khát vọng của người dân cầu mong ở đất đai một mùa màng tươi tốt. Nói khác đi, trong tâm thức nông dân Việt, đã có một đạo thờ Mẹ. Ngay trong hàng tứ bất tử mà người dân Việt tôn thờ: Đức Thánh Gióng, Thánh Tản, Chử Đồng Tử và Mẫu Liễu Hạnh, người ta vẫn thấy sự hiện diện của một đạo thờ Mẹ. Dọc theo chiều dài đất nước, người ta có thể gặp Bà Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Bà Chúa Ngọc, Linh Sơn thánh mẫu, Bà chúa Xứ. Người dân Nam Bộ, ngay từ thời Trịnh Hoài Đức viết *Gia Định thành thông chí*, đã có tục thờ nữ thần. Có lẽ, tục này phải tồn tại từ trước khi ông viết quyển này. Vì thế, nếu người dân vùng Châu Đốc có thờ phụng bà chúa Xứ, cũng không lấy gì làm ngạc nhiên, trái lại, điều ấy cho chúng ta một bằng chứng về sự thống nhất của văn hóa Việt. Nói khác đi, dòng chảy của văn hóa Việt không bị đứt đoạn mà được tiếp tục ở miền đất mới.

Trở lại với nhân vật chính được phụng thờ trong lễ hội bà chúa Xứ núi Sam, rõ ràng Bà là đại diện của một tín ngưỡng, là nơi gửi gắm những khát vọng của người nông dân. Lễ hội núi Sam được tổ chức, thực ra chỉ là sự hiện thực hóa những ước mong của con người.

Ở các nghi thức, diễn tiến của lễ hội này, như đã trình bày ở trên, căn bản vẫn là các nghi thức quen thuộc của lễ hội dân gian. Có thể, trong một nghi thức, diễn tiến của từng lễ tiết có khác đi tí chút. Nếu tạm đặt ra ngoài lễ mộc dục, lễ hội bà chúa Xứ núi Sam có thể coi như một lễ kỳ yên. Nếu ở các làng khác, lễ kỳ yên (1) được tiến hành ở đình thì Vĩnh Tế, lễ này được tổ chức ở miếu Bà. Vì thế, chi tiết rước sắc thân của Thoại Ngọc Hầu từ làng về miếu, bày trên bàn thờ được người ta lý giải theo kiểu từ nguyên dân gian: "Khi ông Thoại Ngọc Hầu qua đời, dân làng kiến ông là thần, nên ngày vía bà dân làng làm lễ trình thân rồi rước sắc thân từ làng sang miếu dự lễ. Hết vía, dân làng lại đưa sắc thân về làng ông Thoại". Với sự thỉnh sắc như vậy cùng toàn bộ các lễ thức trong ngày lễ hội bà chúa Xứ cho phép chúng ta có một giả tưởng tiền thân của lễ hội này là một lễ kỳ yên. So sánh, lễ kỳ yên trong các đình ở Bến Tre và tại đình Bình Thủy (thành phố Cần Thơ) ta sẽ thấy giống nhau giữa chúng với lễ hội Bà chúa Xứ núi Sam.

Ở Bến Tre, lễ kỳ yên trải qua các nghi thức: lễ nghinh thần, lễ túc yết, lễ tiên vãng, lễ tiên tế, lễ chánh tế và lễ xây châu. Phẩm vật trong lễ kỳ yên ở đây gồm có thịt heo sống, xôi, bánh, hoa quả, và phải có đĩa mao huyết (2).

Ở đình Bình Thủy, lễ kỳ yên trải qua các nghi thức: lễ thỉnh sắc (nghinh thần), lễ túc yết, lễ chánh tế, lễ xây châu.

Thế là, căn cứ vào các nghi thức trong lễ hội Bà chúa Xứ, chúng ta có thể tin ở giả định trên. Vốn là lễ kỳ yên của làng Vĩnh Tế như các làng khác ở Nam Bộ, tín ngưỡng thờ Mẹ đã hội nhập các hình thức diễn xướng của nó để thành một lễ hội như hiện nay. Vì thế, nói bản sắc văn hóa của lễ hội núi Sam phải đề cập tới bản sắc văn hóa của lễ kỳ yên. Vậy, bản chất của lễ kỳ yên là gì? Muốn tìm về bản chất của loại lễ trên trong làng Việt Nam Bộ, lại phải trở về với chủ nhân sáng tạo của hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian này. Trên đại thể, nông dân Việt Nam Bộ vẫn sống với nghề nông và phương thức canh tác chính là trồng lúa nước. Thời tiết Nam Bộ, vào cuối mùa khô, nước đã là một đòi hỏi

thức bách, và có thể nói, với nông dân trong nền sản xuất cổ truyền, nước là chuyện sinh tử. Nước được coi là biểu tượng của sự sống, là sinh khí của đồng nội. Ai đã từng gắn bó với Nam Bộ hẳn hiểu nỗi vui mừng của nông dân sau 6 tháng mùa khô, đón nhận những giọt nước mưa đầu mùa. Vì thế, cầu mưa là công việc có ý nghĩa rất trọng đại với làng xưa. Chính lễ mộc dục, ở cội nguồn cũng là một nghi thức cầu mưa. Có thể thấy điều này qua các lệ hội ở miền Bắc, chẳng hạn nghi thức tróc rồng ở chùa Bối Khê (Thanh Oai, Hà Tây) hay nghi thức nhúng nước ông Địa tại một số làng ở Long An.

Sự cầu mưa còn thể hiện trong động tác của ông chánh bái trong lễ xây châu. Ông chánh bái bước tới bàn thờ đặt giữa gian võ ca, hai tay cầm dùi trống nâng ngang trán, lâm râm khấn vái, xá 3 xá rồi gác dùi trống lên khay trầu rượu đặt trên bàn thờ. Trên bàn thờ đã đặt một chậu nước, một khăn đỏ, và một tô nước cùng một cành dương gác ngang. Sau khi làm các động tác như lau mặt, rửa tay, rót, dâng cúng rượu trà, xá 3 xá, ông chánh bái cầm tô nước nâng lên ngang trán khấn vái, rồi nhúng cành dương vào tô nước trên tay, vừa vẩy nước ra xung quanh, vừa đọc to lên lời cầu nguyện:

- Nhất xá thiên thanh: thứ nhất vãi nước lên trời xanh, cầu cho mưa thuận gió hòa.

- Nhị xá địa ninh: thứ nhì vãi nước xuống mặt đất, cầu cho đất đai phì nhiêu.

- Tam xá nhơn trường: thứ ba vãi nước cho loài người, cầu cho dân gian được trường thọ.

- Tứ xá quỷ diệt hình: thứ tư vãi nước vào loài quỷ dữ cầu cho chúng bị tiêu diệt.

Động tác vẩy nước, cầu khẩn của ông chánh bái còn gặp trong lễ kỳ - yên của nhiều vùng khác, không riêng gì ở lễ hội bà chúa xứ. Thậm chí, ngay tại đình Châu Phú, thị xã Châu Đốc, lễ kỳ yên cũng có lời khấn và động tác vẩy nước như thế của ông chánh bái. Chính đây là một nghi lễ cổ của một tín ngưỡng nguyên thủy còn đọng lại trong lễ kỳ yên. Người ta vẩy nước để cầu mưa như Côsoven miêu tả trong *Sơ yếu lịch sử văn hóa nguyên thủy*. Cũng cần lưu ý thời điểm

mở hội miếu bà là thời điểm mà người dân đang chờ mùa mưa đến, hoặc mới chỉ lác đác có một vài trận mưa đầu mùa. Lễ kỳ yên của các đình ở Nam Bộ, đại đa số cũng mở vào thời điểm này. Trong động tác đánh trống của ông chánh bái, ta chú ý động tác hướng tiếng trống vọng về hướng đông, đông bắc mà các bô lão trong vùng giải thích là để trừ tà ma, vì tà ma hay ở hướng này. Tiếng trống, chính là sự mô phỏng tiếng sấm như các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian đã khẳng định. Tiếng trống được đánh vọng về hướng đông, đông bắc, thực ra là động tác phụ trợ cho nghi thức cầu mưa.

Mặt khác, lễ kỳ yên là sự cầu phúc cho cộng đồng. Lời cầu khẩn của ông chánh bái khi đánh trống xây châu là bằng chứng để chứng tỏ, lễ kỳ yên là nơi chứa đựng khát vọng của nông dân. Khi ông đánh tiếng trống thứ 3, ông đọc: Tam điểm nguyệt quốc thời dân cường, hòa tịch phong đăng, dân phương trạch hựu, bôn hội bá tánh thọ thọ phúc, chính là ông đang cầu nguyện cho cộng đồng.

Nói cách khác, lễ kỳ yên thực chất là sự trình diễn ước vọng của người tiểu nông trong xã hội nông nghiệp cổ truyền. Họ mong mưa, mong quốc thái, dân cường, thời tiết hài hòa, con người được hưởng phúc, hưởng thọ. Đó chính là ước vọng rất con người cũng để chúng ta hiểu tâm linh của người xưa.

Vì thế, có thể nói lễ hội Bà chúa Xứ núi Sam, khởi thủy là lễ cầu mưa, định hình bằng lễ kỳ yên rồi các hình thức tín ngưỡng thờ mẫu đan xen vào, hội nhập lại thành lễ hội thờ Bà. Con đường sinh thành của lễ hội Bà chúa Xứ núi Sam, vì thế, vẫn nằm trong qui luật chung về sự sinh thành một lễ hội dân gian ở người Việt trên địa bàn cả nước. Có thể nói, đó chính là cái riêng, nhưng cũng là cái chung của lễ hội này khi đặt trong diện mạo lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

Tuy thế, lễ hội ở đây vẫn có những nét riêng khó lẫn với các lễ hội dân gian khác. Trước tiên, tín ngưỡng - trục xương chính để qui tụ các hành động hội - lắng đọng trong lễ hội này có những nét khác biệt. Cũng là tín ngưỡng thờ mẫu, nhưng điện thần của miếu

Bà khác với các đền thờ mẫu khác. hai bên cạnh tượng Bà, người ta còn gặp tượng cậu - vốn là một lin ga, tượng cô - tượng gổ. Tín hiệu đáng lưu ý chính là cái lin ga này. Đó là hình thức thờ cúng liên quan đến tín ngưỡng phồn thực, một dạng biểu hiện của tôn giáo nông nghiệp buổi sơ khai, để con người thể hiện sự cầu muốn sinh sôi nảy nở. Linh tượng không phải của văn hóa Việt, nhưng xuất hiện trong điện thần thì mang sắc thái văn hóa Việt. Bà, cô, cậu, chính là 3 linh tượng chính trong điện thần, nhưng bên cạnh đó, điện thần còn ban thờ hội đồng, ban thờ tiên hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ. Lịch thờ cúng tại miếu Bà cho phép chúng ta thấy những dòng chảy tín ngưỡng đã tụ lại nơi này:

- 15, 16 tháng giêng, cúng âm hồn.
- 25, 26 tháng tư cúng Bà chúa Xứ.
- 25 tháng 5 cúng ông Tín.
- Mông 5 tháng 6 cúng Thoại Ngọc Hầu.
- Mông 8, 9 tháng 7 cúng Bà Nhị Phẩm.
- 14, 15, 16 tháng 8 cúng đình thần.
- 26 tháng 8 cúng miếu Khổng Tử
- 14, 15 tháng 10 cúng Bà Chánh Phẩm
- 25 tháng chạp cúng Lạp Miếu

Lời văn cúng trong ngày lễ hội miếu Bà cũng đáng cho chúng ta suy ngẫm. Trong lời khẩn, người chủ tế mời: Thánh Mẫu chúa Xứ nương nương, Tứ vị thánh nương, Thiên hậu thánh Mẫu nương nương, Nhất vị thánh mẫu nương nương, Bốn cảnh thành hoàng tôn thần, Thạch Trụ cô nương, Nhị vị công tử, Khổng Tử, Thoại Ngọc hầu cùng 2 phu nhân, Ngao châu tôn thần, Bốn xứ Nặc tà A rặc, chúa Ngung mang nương cùng về để thụ hưởng. Như thế, không kể pho tượng và lin ga vốn của một nền văn hóa khác được hội nhập vào văn hóa Việt, tín ngưỡng ở miếu Bà chúa Xứ khoác bộ áo tổng thể của tôn giáo Việt Nam, do sức mạnh hỗn dung tôn giáo của người Việt. Nét chung của các lễ hội dân gian Việt Nam là thế, nhưng lễ hội Bà chúa Xứ lại có nét riêng. Nếu nhiều lễ hội ở các vùng quê khác lấy nhân vật trung tâm là thành hoàng thì lễ hội núi Sam lại lấy nhân vật trung tâm phụng thờ là Bà chúa Xứ; nếu

những lễ hội của tín ngưỡng thờ Mẹ lấy nhân vật trung tâm là Bà Mẫu Thoải, Bà Thượng Ngàn, Bà Liễu Hạnh...v.v... thì lễ hội núi Sam lại có nhiều tín ngưỡng hội nhập cùng với tín ngưỡng thờ Mẹ. Thành ra, lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam vừa có nét chung, vừa có nét riêng với các lễ hội làng quen thuộc của văn hóa dân gian Việt Nam. Sự hội nhập, đan xen nhiều tín ngưỡng trong lễ hội này khiến nó vượt ra khỏi ranh giới lễ hội làng, trở thành lễ hội của cả một vùng rộng lớn, có sức thu hút khách thập phương.

Mặt khác, nhìn nhận ở nhân vật được phụng thờ chính trong lễ hội, chúng ta dễ dàng nhận thấy quá trình dân gian hóa một nhân vật, biến thành một nhân vật mang những phép màu nhiệm. Các truyền thuyết về Bà xuất hiện có thể mang những tình tiết, chi tiết khác nhau, hoặc 40 cô gái khên được Bà, hoặc 9 cô gái khên được Bà, hoặc tượng ở đâu đó trên núi, hoặc tượng ở đâu đó trong rừng, nhưng đều có một cái chung là quá trình ảo hóa nhân vật phụng thờ diễn ra chưa trọn vẹn, mặc dù quá trình này vẫn đi theo các qui luật của văn hóa dân gian. Người ta đã hiện thực hóa một nhân vật phụng thờ bằng những truyền thuyết, và gắn các truyền thuyết ấy cho một linh tượng, khiến cho nhân vật được phụng thờ vừa thực, với pho tượng trước mắt các đệ tử, vừa linh ảo với các truyền thuyết đầy chất kỳ bí. Bà Chúa Xứ, vì thế, trở thành một nhân vật linh thiêng, có quyền năng vô lượng. Tuy nhiên, cần thấy quá trình này diễn ra chưa trọn vẹn, nên nhân vật vẫn đang ở cõi huyền mặc, chưa về với cõi tục. Thành ra, Bà chúa Xứ chưa hóa thân như Bà Liễu Hạnh, hay Bà Chúa Ngọc được. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể kể ra khá nhiều như các lớp văn hóa lắng đọng trong lễ hội chưa dày dặn như lễ hội dân gian ở đồng bằng sông Hồng nên nhân vật chưa có "nội năng" cần thiết hóa thân đầu thai nơi cõi trần. Dầu vậy, người ta vẫn tin rằng, pho tượng Bà chính là phần xác thân của một nữ thần linh thiêng, quyền năng vô lượng - Bà chúa Xứ.

Cũng chính vì quá trình ảo hóa nhân vật phụng thờ diễn ra chưa trọn vẹn nên giữa phần lễ và phần hội ở núi Sam chưa có sự

hòa nhập mật thiết. Phần lễ vẫn chỉ là những nghi lễ của lễ kỳ yên, hội nhập với nghi lễ của tục thờ Mẹ, phần hội vẫn chỉ có hát bội là chính, mà không còn gì khác hơn. Trong các nghi thức của phần lễ, không có hiện tượng "hèm" như ta hay gặp trong các lễ hội nơi châu thổ sông Hồng:

Không thể không nhắc tới hiện tượng khấn bùa, xin xăm, vay tiền Bà vẫn có trong lễ hội trước đây. Thực ra, không phải chỉ ở miếu Bà mới có xin xăm mà ở nhiều đình miếu Nam Bộ có hình thức này. Nói khác đi, hình thức xin xăm đã nhập vào miếu Bà một cách sượng sạo chứ không phải là một trò diễn gắn với nghi lễ: Hiện tượng khấn bùa nằm trong tư duy của những cư dân nông nghiệp khi họ chưa nhận thức được các hiện tượng trong nhiên nhiên và trong xã hội. Hiện tượng vay tiền Bà nằm trong sự linh thiêng hóa nhân vật được phụng thờ, chỉ xuất hiện sau này, chứ không phải là một nghi lễ có trong lễ hội ngay từ đầu.

Như thế, lễ hội Bà chúa Xứ núi Sam là lễ hội văn hóa dân gian có những nét riêng nhất định. Khởi thủy là lễ cầu mưa của những cư dân nông nghiệp, mà hình thức thể hiện là lễ kỳ yên, lễ hội trên đường phát triển đã có sự hội nhập và bùng dậy của tín ngưỡng thờ mẫu khiến lễ hội văn hóa dân gian này có bản sắc riêng. Tầng ẩn, trong các lễ nghi, trong nhân vật thờ phụng là ước muốn của con người về một cuộc sống yên bình, hiện lên trong các trò diễn là nghi thức cầu mưa cho mùa màng, đó chính là nét văn hóa của lễ hội này. Với bản sắc ấy, lễ hội Bà chúa Xứ núi Sam là sinh hoạt văn hóa cần được bảo lưu và phát huy trong cuộc sống hôm nay, xứng đáng là hành trạng của nhân dân vùng Châu Đốc khi xây dựng một cuộc sống dân giàu, nước mạnh, cả về vật chất và tinh thần cho quê hương, đất nước./.

(1). Theo cách gọi trong dân gian Nam Bộ, khác với lễ kỳ yên mà Phan Kế Bính miêu tả trong *Việt Nam phong tục*, giống với lễ kỳ phúc mà Toán Ảnh miêu tả trong bộ *Nếp cũ*.

(2). Theo Nguyễn Văn Châu, Lễ kỳ yên trong các đình làng xưa ở Bến Tre, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật số 5/1991.